

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/JVL-TD/2024

(Điều chỉnh theo thông báo số 0306-02/TB-JVL.QAC/2025 ban hành ngày 03/06/2025)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT.

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38626769

E-mail: JVLcompany.info@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0109752537

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn Thực phẩm số: 02/2024/NNPTNT-VP

Ngày cấp: 25/10/2024 tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Vĩnh Phúc (cấp cho Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Yên Bình, xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BỘ LÒNG BÒ.

2. Thành phần: 100% Nội tạng bò.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 6 ngày kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản (-2°C) – 2°C.
- 12 tháng kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản \leq -18°C.

Ngày sản xuất xem trên nhãn, nhãn phụ.

STT.	Mã sản phẩm	Hạn sử dụng	
		Bảo quản mát (-2°C) - 2°C	Bảo quản đông \leq -18°C
1	Dạ cỏ bò (Khăn lông) nguyên da - Green Tripe Skin-on	6 ngày	12 tháng
2	Dạ cỏ bò (Khăn lông) cao cấp - Premium Tripe	6 ngày	12 tháng
3	Dạ cỏ bò (Khăn lông) thường - Normal Tripe	6 ngày	12 tháng
4	Tổ ong bò có da - Honeycomb tripes skin-on	6 ngày	12 tháng

5	Tổ ong bò không da - Honeycomb tripes skin-off	6 ngày	12 tháng
6	Lá sách bò – Omasum	6 ngày	12 tháng
7	Múi khế bò – Abomasum	6 ngày	12 tháng
8	Lòng non bò lộn - Small Intestines (Reversed)	6 ngày	12 tháng
9	Lòng non bò cắt - Small Intestines (Cut)	6 ngày	12 tháng
10	Lòng già bò - Large Intestines	6 ngày	12 tháng
11	Thú Linh bò – Rectum	6 ngày	12 tháng
12	Khẩu Đuôi bò – Appendix	6 ngày	12 tháng
13	Tim bò – Heart	6 ngày	12 tháng
14	Cuống Tim bò – Aorta	6 ngày	12 tháng
15	Gan bò – Liver	6 ngày	12 tháng
16	Phổi bò – Lung	6 ngày	12 tháng
17	Lá lách bò – Spleen	6 ngày	12 tháng
18	Cuống Họng bò – Trachea	6 ngày	12 tháng
19	Thực quản bò – Esophagus	6 ngày	12 tháng
20	Màng Tim bò – Pancreas	6 ngày	12 tháng
21	Sỏi Mật bò - Gallbladder Stone	6 ngày	12 tháng
22	Dạ con bò – Uterus	6 ngày	12 tháng
23	Thận bò – Kidney	6 ngày	12 tháng
24	Lá lách cổ bò - Neck Sweetbread	6 ngày	12 tháng
25	Hồi tràng bò - Distal Ileum	6 ngày	12 tháng
26	Kabu (Abomasum) – Lõi khế bò	6 ngày	12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói với khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.

4.2. Chất liệu bao bì:

+ Bao bì trực tiếp: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa bao gói kín đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tuân theo QCVN 12-1: 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp.

+ Bao bì ngoài: Sản phẩm đã có bao bì trực tiếp có thể được đóng trong thùng carton tùy theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): Không có

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP và nghị định 111/2021/NĐ-CP Quy định về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Vĩnh Phúc, ngày 03 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



YOICHI HARUMOTO

37C
TY
H
NUC
HÀ
HP

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đính kèm Bản tự công bố số 03/JVL-TD/2024)

1. Các chỉ tiêu cảm quan

Ngoại quan: Không có tạp chất quan sát được bằng mắt thường.

Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm.

Mùi: Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.

Cấu trúc: Mềm, đàn hồi, liên kết chặt chẽ.

2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

Chỉ tiêu	Mức công bố
1. Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g	$\leq 5 \times 10^5$
2. <i>E. coli</i> , cfu/g	$\leq 5 \times 10^2$
3. <i>Salmonella</i> /25 g	Không phát hiện

3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Tên chỉ tiêu	Mức công bố
1. Cadimi (Cd), mg/kg	$\leq 0,05$
2. Chì (Pb), mg/kg	$\leq 0,1$

4. Dư lượng thuốc thú y: phù hợp với quy định trong Thông tư số 24/2013/TT-BYT “Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế”

5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: phù hợp với quy định trong Thông tư số 50/2016/TT-BYT “Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế”.



Đính kèm Bản tự công bố số: 03/JVL-TD/2024 - Ngày: 03/06/2025
Mẫu nhãn bảo quản điều kiện mát



THÀNH PHẦN: 100% Nội tạng bò.
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Nấu chín, chế biến các món ăn tùy thích.
HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ (-2)°C - 2°C
THÔNG TIN CẢNH BÁO: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng.
KHỐI LƯỢNG TỊNH, NGÀY SẢN XUẤT, MÃ SẢN PHẨM: Xem trên bao bì, nhãn hoặc nhãn phụ.
HẠN SỬ DỤNG: 6 ngày kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm của: **CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT**
Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.3862.6769 - Email: jvtcompany.info@gmail.com - Website: www.vinabeef.com

Sản xuất tại: **CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT**
Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Yên Bình, xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Xuất xứ: Việt Nam

Mã sản phẩm:
Mã code:
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:
Điều kiện bảo quản:
Lô sản xuất:
Khối lượng tịnh: kg



YOICHI HARUMOTO

Đính kèm Bản tự công bố số: 03/JVL-TD/2024 - Ngày: 03/06/2025
Mẫu nhãn bảo quản điều kiện đông lạnh



Mã sản phẩm:
Mã code:
Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:
Điều kiện bảo quản:
Lô sản xuất:
Khối lượng tịnh: kg



YOICHI HARUMOTO



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : VUU72510300306-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00211899

Mã số Eol : 005-32410-583644
Mã số mẫu do khách hàng thiết lập : MẪU 4
Tên mẫu : BỘ LÒNG BÒ
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nilon hàn mép
Ngày nhận mẫu : 31/10/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 31/10/2025 - 28/11/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.5x10 ¹
4	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
6	VD17Z EXT Spectinomycin	µg/ kg	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02)	Không phát hiện (LOD=30)
7	VD2FN VD (a) Dexamethasone	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=0.03)
8	VD2FM VD (a) Clenbuterol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	VD2G0 VD (a) Ractopamin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=1)
10	VD2G1 VD Salbutamol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=2)
11	VD3AK VD (a) Diquat	mg/ kg	QuPPE-AO-Method (Version 3.2); QuPPE-PO-Method (Version 12.2)	Không phát hiện (LOD=0.003)
12	VD3AI VD (a) Paraquat	mg/ kg	QuPPE-AO-Method (Version 3.2); QuPPE-PO-Method (Version 12.2)	Không phát hiện (LOD=0.003)
13	VD37S VD Sulfadimidine	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=5)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00211899

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 02/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 02/12/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ky Hai Dang.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.